

Bản án số: 281/2017/DS-ST

Ngày: 12 - 9 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em;

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 09 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/DSST ngày 17 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở chính: đường A, Phường Đ, quận K, Thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1994; Nơi cư trú: 189 đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 449/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 17 tháng 03 năm 2017 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: 35/5 khu phố B, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông Lê Hồng Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140415-500000-0015 ký ngày 16/04/2014 thì bà Huỳnh Thị T có đề nghị vay và đã được Ngân hàng

Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là Ngân hàng) chấp thuận cho vay, giải ngân số tiền 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng), với:

- Lãi suất là 3,75%/ tháng
- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.
- Thời hạn vay: 30 tháng (Kể từ ngày 16/04/2014)
- Ngày bắt đầu của kỳ thanh toán: 01/06/2014
- Ngày kết thúc hợp đồng: 01/11/2016 (30 kỳ)

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, cụ thể:

- Kể từ ngày 01/6/2014 đến ngày 11/9/2017 bà T đã thanh toán số tiền 9.224.000đ (Nợ gốc là 3.466.500đ và nợ lãi tới hạn là 5.777.500đ)
- Tính đến ngày 11/9/2017 bà T còn nợ lại ngân hàng số tiền là 23.223.000đ (Nợ gốc 15.433.500đ và nợ lãi tới hạn là 7.789.500đ)

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là: 23.223.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) bao gồm 15.433.500 đồng tiền gốc tới hạn và 7.789.000 đồng tiền lãi tới hạn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Lê Hồng Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 23.223.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà T phải thanh toán tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 do vi phạm nghĩa vụ nếu không thanh toán đúng hạn theo bản án; Ngoài ra ngân hàng không có yêu cầu đối với ai khác và không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn tại bản tự khai ngày 29/06/2017, bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà thừa nhận có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng). Bà đã trả được một số tiền nhưng bà không nhớ là bao nhiêu. Hiện nay bà chưa có việc làm ổn định nên bà đề nghị Ngân hàng cho bà được góp mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và được giảm tiền lãi vì bà đang gặp khó khăn.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn sau khi tự khai đã không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng đã ký giữa 02 bên và được các bên thừa nhận cho thấy việc ký kết hợp đồng giao dịch là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội

đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc bà Huỳnh Thị T phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 23.223.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) bao gồm nợ gốc là 15.433.500 đồng và nợ lãi là 7.789.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn bà Huỳnh Thị T hiện cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có bản tự khai, bà T vắng mặt tại phiên tòa và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2017 Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền 24.586.051đ. Tại phiên tòa ngân hàng xác nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 23.223.000đ vì trong quá trình khởi kiện bị đơn đã thanh toán thêm cho ngân hàng, yêu cầu trả số tiền làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

Xét, căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cung cấp và lời khai nhận của bị đơn bà T thì có cơ sở xác định:

- Ngày 16/04/2014 bà Huỳnh Thị T có ký giấy “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140415-500000-0015” đề nghị vay và đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chấp thuận cho vay và giải ngân số tiền 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng), thời hạn 30 tháng, lãi suất vay 3,75%/tháng.

- Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán được số tiền 9.244.000 đồng (Chín triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong hợp đồng tín dụng số 20140415-500000-0015 ký ngày 16/04/2014, thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện buộc T phải thanh toán số tiền còn nợ còn lại là có cơ sở;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu: Bà Huỳnh Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 23.223.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) bao gồm nợ gốc là 15.433.500 đồng và nợ lãi tới hạn là 7.789.000

cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Trong trường hợp bà Huỳnh Thị T chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, nên bị đơn bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định tại Luật phí và lệ phí và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 614.651đ (Sáu trăm mười bốn ngàn sáu trăm năm mươi một đồng)

[4] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bà Huỳnh Thị T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là: 23.223.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) bao gồm nợ gốc là 15.433.500 đồng và nợ lãi tới hạn là 7.789.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T trả ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà Huỳnh Thị T chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.161.150 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi một ngàn một trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 614.651 đồng (Sáu trăm mười bốn ngàn sáu trăm năm mươi một đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07695 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Báo cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bà Huỳnh Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày toà niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp nghĩa vụ trả tiền trên được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Mai Trần Cảnh